



Số 129/BC-S55-TCKT

Gia Lai, ngày 22 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 505

Năm 2017

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 505**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Giấy chứng nhận ĐKKD ngày đầu thành lập số 3903000041 ngày 09/08/2004 . Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều chỉnh gần nhất vào ngày 10/08/2017 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới là 5900320629
- Vốn điều lệ: **59.903.490.000, VNĐ**
- Địa chỉ: **Xã IaO – Huyện Iagrai – Tỉnh Gia Lai**
- Số điện thoại: **04626.59.505** Số fax: **0462.659.506**
- Website: **www.songda505.com.vn**
- Mã cổ phiếu : **S55**

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày thành lập:** Thành lập theo quyết định số 980/QĐ-BXD ngày 22/06/2004 của Bộ xây dựng trên cơ sở chuyển đổi từ một bộ phận doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần và chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01/09/2004
- Thời điểm niêm yết :** Niêm yết ngày 22/12/2006 tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:**
 - Năm 2007: Triển khai thực hiện hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000. Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/3/2007 thông qua Nghị quyết tăng vốn Điều lệ từ 7.000.000.000, VNĐ lên 24.960.000.000, VNĐ
 - Năm 2008: Đăng ký thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 và chính thức được cấp chứng nhận hợp chuẩn ISO 9001:2000 số HT1905.09.28 ngày 12/01/09. Thành lập Chi nhánh 555 ngày 20/10/2008
 - Năm 2009: Hoàn thành và duy trì hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2000, triển khai nâng cấp theo Hệ thống hợp chuẩn ISO 9001-2008. Thành lập Chi nhánh thí nghiệm vào ngày 06/01/2009, Chi nhánh 515 vào ngày 03/4/2009 và Chi nhánh 525 vào ngày 02/12/2009
 - Năm 2013: Công ty cổ phần Sông Đà 5 thực hiện việc thoái vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Sông Đà 505 với 32,6% vốn điều lệ, trong năm Công ty thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ: 495.900 cổ phần làm giảm lượng cổ phiếu lưu hành đến 31/12/2013: 2.000.100 CP
 - Năm 2014: Công ty bán toàn bộ 495.900, cổ phiếu với giá bình quân sau khi đã trừ phí giao dịch là: 73.856, đồng/lcp thu về giá trị thặng dư vốn: 19.843.739.765, đồng
 - Năm 2015: Công ty thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 24.960.000.000, VNĐ lên 49.920.000.000 VNĐ từ nguồn vốn thặng dư của Công ty; Thực hiện góp vốn đầu tư vào Công ty thương mại và đầu tư toàn cầu DATC để đầu tư dự án thủy điện Bắc Nà tại tỉnh Lào Cai với số tiền 57,8/110 tỷ chiếm 52,6% để trở thành Công ty con của Công ty kể từ ngày 15/05/2015; Đấu giá mua lại cổ phần và nắm giữ 33,8% tại Công ty cổ phần

thủy điện Sông Ông để trở thành Công ty liên kết của Công ty kể từ ngày 30/06/2015; thông qua việc giải thể Chi nhánh 555 kể từ 01/07/2015; Giải thể Chi nhánh thí nghiệm và Chi nhánh 525 kể từ 01/01/2016 nhằm cấu trúc lại tổ chức, giảm thiểu chi phí trung gian

- Năm 2016: Dự án thủy điện Bắc Nà tại Tỉnh Lào Cai gồm 2 tổ máy với công suất 17MW do Công ty đầu tư 52,6% vốn đã chính thức hòa lưới điện Quốc gia từ tháng 12/2016 với doanh thu phát điện ước tính 65-70 tỷ/năm
- Năm 2017: Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 49.920.000.000 ,VNĐ lên 59.903.490.000,VNĐ từ việc chi trả cổ tức năm 2016; Hoàn thành việc mua lại Công ty CP ĐT và PT Việt Hoàng (nay là Công ty cổ phần EHULA) sau khi đã được UBND Tỉnh Lai Châu cấp chủ trương đầu tư dự án thủy điện Nậm Bùm 1 và Nậm Bùm 2.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a) Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, nhà ở, thủy điện, thủy lợi, giao thông;
- Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, cấu kiện kim loại, phụ tùng, phụ kiện phục vụ xây dựng
- Thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn, xử lý công trình bằng phương pháp khoan phun, khoan phụt;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác cát, đá, sỏi;
- Kinh doanh bất động sản;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng công trình, kiểm định hiệu chuẩn các thiết bị, phương tiện đo lường và thử nghiệm

b) Địa bàn kinh doanh:

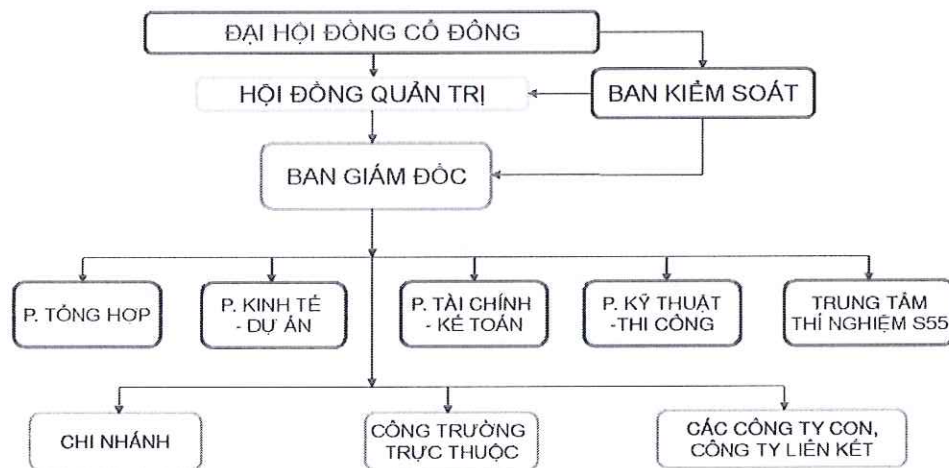
- Khu vực phía bắc: Công ty tham gia thi công một số HMCT công trình thủy điện Nậm Mu 2 tại tỉnh Điện Biên; TĐ Khánh Khê tại tỉnh Lạng Sơn, thi công nốt phần công việc còn lại TĐ Nậm Toóng tại tỉnh Lào Cai và chuẩn bị triển khai thi công thủy điện Nậm Bùm 1 tại tỉnh Lai Châu
- Tại khu vực miền trung: Thi công một số HMCT thủy điện thủy điện Nhạn Hạc tại Nghệ An và thi công nốt phần công việc còn lại TĐ Đăksrông 1 tại tỉnh Quảng Trị
- Tại khu vực Miền Trung Tây Nguyên: Thi công một số HMCT thủy điện Sơn Giang tại tỉnh Phú Yên và chuẩn bị triển khai thi công thủy điện Chư Pông Krông tại tỉnh Đắk Lắk

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- #### **a) Mô hình quản trị:** Công ty thực hiện việc quản trị theo đúng phân cấp được qui định trong điều lệ và các qui chế quản lý của Công ty đã ban hành phù hợp với Luật doanh nghiệp, văn bản pháp luật hiện hành đối với Công ty niêm yết và thực tế của đơn vị trên nguyên tắc các bộ phận thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, thống nhất và tuân thủ qui trình quản lý, cá nhân chịu trách nhiệm vì mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.
- Đại hội cổ đông: Bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty thực hiện chức năng nhiệm vụ theo qui định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty đã được ban hành
 - Hội đồng quản trị: Thực hiện chức năng quản lý toàn bộ hoạt động SXKD, đầu tư và định hướng của Công ty. Hàng năm hội đồng quản trị chỉ đạo ban giám đốc công ty xây dựng kế hoạch, biện pháp triển khai nhiệm vụ SXKD và đầu tư để đại hội cổ đông thông qua. Trên cơ sở nghị quyết của đại hội cổ đông đã được thông hàng năm, HĐQT ra các quyết định kịp thời chỉ đạo ban giám đốc tổ chức triển khai theo đúng kế hoạch, đảm bảo được các mục tiêu đề ra

- Ban kiểm soát : Thực hiện chức năng giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của công ty và công tác quản lý của Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên
- Ban giám đốc: Đứng đầu là Giám đốc Công ty và là người đại diện theo pháp luật, điều hành và tổ chức hoạt động SXKD hàng ngày của công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, kiên nghị bộ máy tổ chức quản lý, ký kết các hợp đồng, công bố thông tin theo qui định phù hợp với Điều lệ công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Các phòng chức năng: Tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của công ty phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh của công ty và quy định pháp luật
- Chi nhánh trực thuộc : Chi nhánh là đơn vị hạch toán phụ thuộc có đầy đủ bộ máy hoạt động, có con dấu, bảng cân đối kế toán riêng và được cấp mã số thuế con thực hiện nhiệm vụ tổ chức, quản lý SXKD theo sự ủy quyền của Giám đốc Công ty phù hợp với ngành nghề, mục tiêu và định hướng của Công ty, lợi nhuận hàng năm của các Chi nhánh được tập trung về Công ty. Giám đốc Chi nhánh chịu trách nhiệm trước giám đốc Công ty về toàn bộ công tác quản lý điều hành và hiệu quả SXKD của Chi nhánh theo phân cấp quản lý đã được ban hành và pháp luật nhà nước hiện hành

b) Cơ cấu bộ máy quản lý:



c) Các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty con: Công ty cổ phần điện Bắc Nà
- Địa chỉ trụ sở chính: Xã Bản Liền -Huyện Bắc Hà -Tỉnh Lào Cai.

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện Bắc Nà với công suất phát điện 17MW đã chính thức hòa lưới điện Quốc gia từ tháng 12/2016 với doanh thu phát điện ước tính 65-70 tỷ/năm
- Vốn điều lệ: 135.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 52,53%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 52,53%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- Công ty con : Công ty cổ phần EHULA
- Địa chỉ trụ sở chính: Bản Nà Hừ 2, xã Bum Nura, huyện Mường Tè, Tỉnh Lai Châu.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khảo sát địa chất công trình, - Khảo sát trắc địa công trình; - Thiết kế các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, đường dây tải điện và trạm biến áp đến 35 KV; - Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán các công trình: dân dụng, giao thông, thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, đường dây tải điện và trạm biến áp đến 35 KV; - Thiết kế thủy văn và đánh giá tác động môi trường công trình xây dựng - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; - Thiết kế quy hoạch công trình thủy; Thiết kế các công trình thủy công, thủy điện; - Tư vấn đấu thầu, tư vấn chọn nhà thầu (không bao gồm xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng); - Tư vấn lập dự án đầu tư và đấu thầu các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi, hạ tầng cơ sở nông thôn và các công trình thủy điện công suất lắp đặt đến 70 MW (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký); - Hoạt động đo đạc bản đồ; - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; - Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng; - Giám sát xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình dân dụng công nghiệp; - Tư vấn thẩm tra thiết kế công trình. - Giám sát thi công các công trình: dân dụng, giao thông, thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, đường dây tải điện và trạm biến áp đến 35 KV.
- Vốn điều lệ: 380.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 98%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 98%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động
- **Tình trạng hoạt động: Đang giai đoạn đầu tư**
- Công ty liên kết: **Công ty CP Thủy điện Sông Ông**
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn La Vang, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Vốn điều lệ: 74.000.000.000 đồng. Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 33,76%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 33,76%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động

5. Định hướng phát triển :

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Công ty xác định nhiệm vụ chính vẫn là thi công xây lắp các công trình thủy điện vừa và nhỏ trong nước và trong dài hạn tìm kiếm cơ hội mở rộng ngành nghề, mở rộng thị trường tương tự tại các nước lân cận như Lào, Campuchia,.. trên nguyên tắc kiểm soát được rủi ro
- Thông qua người đại diện phần vốn của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết,.. phối hợp cùng các cổ đông khác thực hiện quyền của mình theo pháp luật và theo tỷ lệ góp vốn trong việc quản lý, giám sát chặt chẽ nhằm tăng lợi ích đối với phần vốn đầu tư của Công ty
- Tập trung hoàn thiện pháp lý, giám sát chặt chẽ tiến độ triển khai công tác đầu tư, xây dựng dự án TĐ Nậm Bùm 1 và Nậm Bùm 2 thuộc Công ty cổ phần EHULA do Công ty góp vốn chi phối theo kế hoạch đã được UBND Tỉnh Lai Châu phê duyệt

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục duy trì và phát huy ngành nghề truyền thống trong lĩnh vực xây lắp tuyến thông thông qua việc tiếp cận các gói thầu thi công các công trình thủy điện, công trình công nghiệp, thủy lợi, đường giao thông đáp ứng được nguồn vốn trong thanh toán và hiệu quả kinh tế từng gói thầu
- Tập trung triển khai đầu tư, xây dựng dự án TĐ Nậm Bùm 1 và Nậm Bùm 2 thuộc Công ty cổ phần EHULA do Công ty góp vốn chi phối theo kế hoạch đã được UBND Tỉnh Lai Châu phê duyệt và tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư xây dựng, vận hành các dự án thủy điện vừa và nhỏ mới có hiệu quả phù hợp với khả năng tài chính từng thời điểm và chuyên môn ngành nghề để đảm bảo tính bền vững
- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý chuyên nghiệp, đầu tư dây chuyền thiết bị đồng bộ đảm bảo năng lực thi công, sẵn sàng cạnh tranh và đảm đương được những công trình trọng điểm, đáp ứng được yêu cầu công việc, chất lượng cũng như tiến độ thi công các gói thầu lớn trong và ngoài nước
- Phần đầu đạt qui mô sản lượng, doanh thu bình quân năm : 500 tỷ trở lên
- Đảm bảo SXKD có hiệu quả, lợi tức chia cho các cổ đông đạt 20-25%/năm
- Phần đầu thu nhập bình quân của CBCNV đạt từ 7 đến 10 triệu đồng /người/tháng

c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Vì mục tiêu phát triển bền vững phù hợp với yêu cầu chung của toàn xã hội, Công ty cam kết hài hòa lợi ích của doanh nghiệp với trách nhiệm xã hội và bảo vệ cộng đồng, đảm bảo rằng những hoạt động của mình tuân thủ theo pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội cũng như quan tâm đến lợi ích cộng đồng, tôn trọng các cam kết với đối tác trong việc tuân thủ hành động để bảo tồn và phát triển cộng đồng.

6. Các rủi ro:

- Các công trình công ty tham gia thi công phân tán tại nhiều địa bàn cách xa nhau làm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý và chỉ đạo SXKD kéo theo bộ máy mở rộng, phát sinh chi phí quản lý
- Một số công trình đơn vị tham gia thi công kéo dài, thiếu vốn trong thanh toán dẫn đến công tác nghiệm thu thanh toán chậm trễ kéo dài đặc biệt là đối với công trình đã kết thúc thi công nhưng chưa được thanh toán, đơn vị phải đi vay với lãi suất cao làm gia tăng chi phí tài chính
- Điều kiện tiếp cận các gói thầu thi công dự án thủy điện ngày càng hạn chế về điều kiện triển khai các dự án trong nước và tính chất cạnh tranh khắc nghiệt, giá thấp dẫn đến hiệu quả kinh tế thấp, rủi ro khi chủ đầu tư nợ đọng vốn
- Giá cả các loại nguyên nhiên, vật liệu đầu vào không ổn định làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả SXKD đối với các gói thầu cố định giá
- Chính sách tiền tệ thiếu tính ổn định, doanh nghiệp có thể khó tiếp cận vốn hoặc phải vay với lãi suất cao khi mở rộng SXKD hoặc thiếu vốn do chủ thầu thanh toán chậm

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Năm 2017 phát sinh nhiều khó khăn trong việc thu hồi công nợ tồn đọng và quyết toán các công trình hoàn thành do thiếu tính hợp tác từ phía chủ đầu tư, tổng thầu xây lắp. Một số công trình đang thi công dừng, giãn tiến độ do yếu tố khách quan trong khi công tác tìm kiếm công việc mới gặp nhiều khó khăn trong điều kiện cạnh tranh, giá thấp, các điều kiện thực hiện hợp đồng nguy cơ rủi ro... nên không ký kết thêm gói thầu mới nào dẫn đến sụt giảm về qui mô doanh thu và sản lượng không đạt KH đề ra
- Những khó khăn ảnh hưởng đến kết quả thực hiện mục tiêu năm 2017:

- Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty phần lớn làm công tác kiêm nhiệm nên chưa phát huy được tối đa vai trò trong quản lý và chỉ đạo SXKD
- Trong năm Công ty tiếp cận một số gói thầu nhưng khi đàm phán xét thấy hiệu quả thấp và rủi ro nên không ký kết thêm hợp đồng mới mà chủ yếu là thực hiện các gói thầu đã ký năm trước. Bên cạnh đó một số chủ đầu tư gặp khó khăn về pháp lý triển khai, nguồn vốn đầu tư nên một số gói thầu bị gián đoạn và ngưng trệ, thanh toán rất chậm dẫn đến không đạt kế hoạch SXKD đề ra
- Công nợ tại các dự án thủy điện do TCT Sông Đà làm tổng thầu chiếm tỷ trọng lớn, việc thu hồi gặp rất nhiều khó khăn ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả SXKD và quyết định cơ hội đầu tư
- Việc tìm kiếm mục tiêu đầu tư mới vẫn đang trong giai đoạn thẩm định, đánh giá và hoàn chỉnh pháp lý nên chưa sử dụng nhiều đến nguồn vốn đầu tư

Nhìn tổng quan trong năm qua phát sinh nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm công việc gói đầu để duy trì qui mô SXKD dẫn đến sụt giảm về doanh thu và sản lượng. Tuy nhiên bên cạnh khoản đầu tư vào doanh nghiệp khác đã mang lại lợi nhuận : 11,8 tỷ đồng, Hội đồng quản trị cùng tập thể ban lãnh đạo Công ty luôn bám sát nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra, đưa ra giải pháp thích hợp trong quá trình quản lý điều hành, tiết kiệm chi phí,... đã hoàn thành được mục tiêu lợi nhuận đề ra

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2017:

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	KH năm 2017	TH năm 2017	Tỷ lệ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	407.947	243.096	60%
2	Doanh thu	10 ⁶ đ	435.098	244.138	56%
3	Nộp ngân sách	10 ⁶ đ	18.674	13.296	71%
4	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	59.904	59.904	100%
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ	37.853	38.385	116%
6	Cổ tức dự kiến 15%	10 ⁶ đ	8.985	8.985	100%
8	Thu nhập bình quân	10 ³ đ/Th	7.100	9.312	132%

- Giá trị sản lượng và Doanh thu không đạt KH đề ra nguyên nhân chủ yếu do: Trong năm Công ty không ký kết thêm gói thầu mới nào trong điều kiện cạnh tranh và tiềm ẩn nguy cơ rủi ro nên giá trị thực hiện không đảm bảo kế hoạch
- Công tác thu hồi vốn: Gặp bế tắc trong việc thu tiền về các dự án do TCT Sông Đà làm tổng thầu trong đó đặc biệt là công nợ tại DA thủy điện Xêkaman3 và Sê San 4. Khó khăn trong việc quyết toán và thu hồi công nợ đối với một số dự án đã hoàn thành do Chủ đầu tư thiếu hợp tác, không thu xếp được vốn như: Chi Khê, Đa Zâng, Suối Chăn 2, Đăksrong1,...
- Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 60 tỷ từ việc chi trả cổ tức năm 2016
- Lợi nhuận tăng 101% so với kế hoạch trong điều kiện sản lượng và doanh thu không đạt kế hoạch là do trong năm Công ty hoàn nhập khoản dự phòng bảo hành công trình TĐ 2,4 tỷ; tăng thu nhập tài chính (tạm ứng cổ tức 2017) từ khoản đầu tư vào doanh nghiệp khác là : 11,8 tỷ đồng (Công ty CP thủy điện Sông Ông 5,7 tỷ và tại Công ty CP đầu tư AnZen : 6,1 tỷ đồng) và tăng thu nhập từ khoản tiền gửi chưa sử dụng: 3 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Đặng Quang Đạt	Giám đốc	1962	Kỹ sư XD ngầm	13,49%
2	Lê Văn Phúc	Phó giám đốc	1964	Cử nhân kinh tế	0,81%

3	Nguyễn Ngọc Ánh	Phó giám đốc	1972	Kỹ sư thủy lợi	2,23%
4	Trần Thái Bình	Phó giám đốc	1975	Cử nhân kinh tế	2,00%
5	Vũ Sơn Thủy	Kế toán trưởng	1977	Cử nhân TC-KT	3,32%

b) Những thay đổi trong ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Ngày miễn nhiệm
1	Phạm Văn Huân	Phó GD	1969	Kỹ sư XD	03/04/2017

c) Số lượng cán bộ, nhân viên:

STT	Nội dung	Tổng số CBCNV			Ghi chú
		Gián tiếp	LĐ trực tiếp	Tổng cộng	
1	Cơ quan Công ty	67	379	446	
3	Chi nhánh 515	12	49	61	
	Cộng	79	428	507	

- Chính sách đối với người lao động:
 - Đối với cán bộ chuyên môn nghiệp vụ: Tiền lương được trả hàng tháng cho từng vị trí, cấp bậc, loại nhân viên, phục vụ dựa trên mức độ cống hiến, hiệu quả, mức độ hoàn thành công việc và tổng quỹ lương khoán theo qui mô
 - Đối với lao động trực tiếp: Công ty trả lương cho CBCNV theo qui chế trả lương khoán do Giám đốc công ty phê duyệt trên cơ sở sản phẩm hoàn thành và đơn giá định mức nội bộ
 - Gắn trách nhiệm trong việc tạo ra sản phẩm, ổn định việc làm cho người lao động. Nâng cao năng suất lao động, ý thức trách nhiệm tiết kiệm chi phí, hiệu quả trong công việc hướng tới chọn lựa các đối tượng thực sự có năng lực có khả năng đáp ứng được yêu cầu công việc cho từng vị trí và đào thải những đối tượng không đáp ứng được yêu cầu chuyên môn trong dây chuyền SX, thu hút và khuyến khích người lao động không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; cống hiến và yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty
 - Công ty luôn đặc biệt chăm lo đến điều kiện làm việc, giải quyết chính sách chế độ một cách kịp thời, minh bạch cho CBCNV là nhân tố cơ bản cho sự gắn bó và tăng năng suất lao động

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư năm 2017:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% HT
1	Góp vốn đầu tư vào DN khác	10 ⁶ đ	58.841	44.801	76%
2	Đầu tư thiết bị thi công	10 ⁶ đ	5.700	1.626	29%
3	Trả tiền mua VP tại Hà Nội	10 ⁶ đ	845		
	Cộng		65.385	33.327	71%

- Về việc thanh toán tiền mua VP tại tòa nhà HH4: Công ty chưa thực hiện việc thanh toán này do TCT Sông Đà không thực hiện thanh toán các khoản nợ tồn đọng tại các dự án đã hoàn thành
- Góp vốn đầu tư vào DN khác :
 - Công ty đã hoàn thành việc mua lại Công ty CP ĐT và PT Việt Hoàng (nay là Công ty cổ phần EHULA) sau khi đã được UBND Tỉnh Lai Châu cấp chủ trương đầu tư dự án thủy điện Nậm Bùm 1 và Nậm Bùm 2. Theo đó Công ty tiếp tục góp vốn EHULA để triển khai công tác hoàn chỉnh thiết kế kỹ thuật, phê duyệt tổng mức đầu tư, đền bù giải phóng mặt

bằng, triển khai công tác chuẩn bị, XD các HMCT phục vụ thi công trong năm 2017 đối với DA Nậm Bùm 1 và hoàn chỉnh công tác thiết kế cơ sở đối với DA Nậm Bùm 2.

- Đã thực hiện việc thoái vốn tại Công ty CP năng lượng Đa Têh trong T7/2017.
- Các khoản góp vốn đầu tư ở trên đều là đầu tư vào đơn vị sở hữu các DA thủy điện đã và đang phát điện thương mại và có lãi. Cụ thể như sau:
- ✓ Tại Công ty cổ phần EHULA: Đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng DA thủy điện Nậm Bùm 1 và Nậm Bùm 2
- ✓ Các khoản đầu tư góp vốn đã đi vào hoạt động:

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Đơn vị đầu tư	Vốn điều lệ	Vốn góp đầu tư		Doanh thu	Lợi nhuận	Cổ tức dự kiến
			Số tiền	Tỷ lệ			
1	Công ty CP điện Bắc Nà	135	70,9	52,6%	73,09	19,7	10%
2	Công ty CP TĐ Sông Ông	74	41,1	33,8%	49,05	28,6	35%
3	Công ty CP đầu tư Anzen	105	20	19,0%	86,1	25,6	35%
	Tổng cộng	314	132		208,2	73,9	

Trên đây đều là các đơn vị đầu tư và vận hành Dự án thủy điện. Trong năm các đơn vị này đã thực hiện chi trả nốt tiền cổ tức năm 2016 và tạm ứng cổ tức năm 2017 với số tiền 11,8 tỷ đồng. Việc chi trả cổ tức năm 2017 chính thức sẽ do ĐHCĐ của các đơn vị do Sông Đà 505 đầu tư quyết định

- **Đầu tư nâng cao năng lực thi công:** Trong năm Công ty mới chỉ thực hiện đầu tư thêm một số thiết bị thi công hầm tại TĐ Nậm Bùm 1 và thực hiện thanh lý một số thiết bị cũ do sử dụng lâu ngày chưa có nhu cầu sử dụng do một số DA đã kết thúc thi công để tái đầu tư thiết bị mới khi có có việc gói đầu

b) Các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty con: Công ty nắm giữ 52,8% cổ phần tại Công ty cổ phần điện Bắc Nà hiện đang quản lý và vận hành Nhà máy thủy điện Bắc Nà với công suất 17MW; Nắm giữ 98% cổ phần tại Công ty cổ phần Ehuala hiện đang hoàn thiện pháp lý và triển khai đầu tư dự án thủy điện Nậm Bùm 1 và Nậm Bùm 2 với tổng công suất 36-:40 MW
- Công ty liên kết: Công ty nắm giữ 33,8% tại Công ty cổ phần thủy điện Sông Ông hiện đang quản lý và vận hành Nhà máy thủy điện Sông Ông với công suất 8,1MW

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

• **Công ty mẹ:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% tăng, giảm
1	Tổng tài sản	10 ³ đ	428.133.597	428.617.885	100,11%
2	Doanh thu thuần	10 ³ đ	377.851.190	227.585.763	60,23%
3	LN từ hoạt động KD	10 ³ đ	39.546.007	37.625.054	95,14%
4	Lợi nhuận khác	10 ³ đ	7.868.147	3.928.724	49,93%
5	Lợi nhuận trước thuế	10 ³ đ	47.414.155	41.553.778	87,64%
6	Lợi nhuận sau thuế	10 ³ đ	42.082.218	38.384.631	91,21%
7	Tỷ lệ LN trả cổ tức	%	30%	0%	

• **Hợp nhất:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% tăng, giảm
1	Tổng tài sản	10 ³ đ	782.898.559	778.983.826	99,50%
2	Doanh thu thuần	10 ³ đ	307.062.226	286.088.899	93,17%
3	LN từ hoạt động KD	10 ³ đ	38.221.877	57.021.013	149,18%
4	Lợi nhuận khác	10 ³ đ	7.868.147	3.928.724	49,93%

5	Lợi nhuận trước thuế	10 ³ d	46.090.024	60.949.737	132,24%
6	Lợi nhuận sau thuế	10 ³ d	41.351.424	58.169.616	140,67%
7	Tỷ lệ LN trả cổ tức	%	30%	0%	

Về việc chi trả cổ tức năm 2017: Do Công ty đang cần huy động và tập trung vốn cho mục tiêu đầu tư dự án thủy điện Nậm Bùm 1 và Nậm Bùm 2 với tổng công suất 36-:40MW nên ĐHCĐ thường niên năm 2018 ngày 14/03/2018 quyết định không chi trả cổ tức năm 2017.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

• **Công ty mẹ:**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,61	1,64	
-	Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,48	1,39	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Tổng nợ/Tổng tài sản	0,39	0,32	
-	Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	0,66	0,47	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	15,1	7,1	
-	D.thu thuần/Tổng tài sản	0,83	0,53	
4	Chỉ tiêu về hệ số sinh lời			
-	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	11,1%	16,9%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	16,3%	13,2%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	9,8%	9,0%	

• **Hợp nhất:**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,57	1,55	
-	Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,46	1,35	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Tổng nợ/Tổng tài sản	0,59	0,52	
-	Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	1,42	1,08	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	3,03	1,87	
-	D.thu thuần/Tổng tài sản	0,39	0,37	
4	Chỉ tiêu về hệ số sinh lời			
-	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	13,5%	20,3%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	12,8%	15,5%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,3%	7,5%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng số cổ phần được phép phát hành	5.990.349	
-	Cổ phần thông thường chuyển nhượng tự do	5.990.349	
-	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng		
2	Số lượng cổ phiếu quỹ		
-	Cổ phần thông thường chuyển nhượng tự do		
-	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng		
3	Số lượng cổ phần đang lưu hành	5.990.349	
-	Cổ phần thông thường chuyển nhượng tự do	5.990.349	
-	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0	

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Loại cổ đông	Tổ chức		Cá nhân		Tổng cộng	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	361.744	6,04%	5.399.372	90,13%	5.761.116	96,17%
-	Cổ đông nhà nước		0,00%		0,00%		0,00%
-	Cổ đông lớn		0,00%	807.968	13,49%	807.968	13,49%
-	Cổ đông khác	361.744	6,04%	4.591.404	76,65%	4.953.148	82,69%
-	Cổ phiếu quỹ		0,00%		0,00%	0	0,00%
2	Cổ đông nước ngoài	33.661	0,56%	195.572	3,26%	229.233	3,83%
-	Cổ đông lớn		0,00%		0,00%	0	0,00%
-	Cổ đông khác	33.661	0,56%	195.572	3,26%	229.233	3,83%
	Cộng	395.405	6,60%	5.594.944	93,40%	5.990.349	100%

=> Nguồn dữ liệu lấy theo danh sách cổ đông của Công ty do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp chốt tại ngày 14/03/2018

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Không.

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không phát sinh

e) *Các chứng khoán khác:* Không phát sinh

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Nhìn tổng quan trong năm qua phát sinh nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm công việc gối đầu để duy trì qui mô SXKD dẫn đến sụt giảm về doanh thu và sản lượng. Tuy nhiên bên cạnh khoản đầu tư đã mang lại lợi nhuận, Hội đồng quản trị cùng tập thể ban lãnh đạo Công ty luôn bám sát nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra, đưa ra giải pháp thích hợp trong quá trình quản lý điều hành, tiết kiệm chi phí đã hoàn thành được mục tiêu lợi nhuận đề ra.

• Một số điểm đạt được trong năm:

- Mục tiêu đầu tư đảm bảo được tiến độ và đi vào hoạt động SX ổn định
- Đảm bảo công ăn việc làm thường xuyên khoảng trên 500 người lao động
- Các hạng mục các công trình do Công ty tham gia thi công đều thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định của Nhà nước, đảm

- bảo chất lượng theo yêu cầu thiết kế và tiêu chuẩn quy phạm quy định, chưa có hạng mục nào phải phá đi làm lại, không để xảy ra các rủi ro tồn thất đáng kể nào
- Đáp ứng hầu hết các mục tiêu cam kết với các Chủ đầu tư, tạo được uy tín và vị trí của đơn vị trong lĩnh vực xây dựng thủy điện
 - Công tác thu hồi vốn chưa đạt kế hoạch nhưng đã đảm bảo duy trì được nguồn vốn trong tổ chức SXKD, giảm cơ bản số dư nợ vay và chi phí tài chính so với năm trước
 - Mức lợi nhuận vượt kế hoạch đảm bảo nguyên tắc bảo toàn vốn và duy trì lợi ích của các cổ đông
 - Hoàn thành việc mua lại và chi phối Công ty cổ phần EHULA để tiếp tục mục tiêu đầu tư dự án thủy điện Nậm Bùm 1 và Nậm Bùm 2 tại tỉnh Lai Châu
 - Tất cả các khoản đầu tư hoàn thành của Công ty đều đã mang lại lợi nhuận kỳ vọng

2. Tình hình tài chính

- a) **Tình hình tài sản** : Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 tương đương với cùng kỳ năm trước tương ứng : 428/428 tỷ, xuất phát từ những nguyên nhân cơ bản sau:
- Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 1,9 tỷ đồng do trong năm Công ty nhận được khoản tiền trả cổ tức tại các Công ty đầu tư: 11,8 tỷ và thu hồi, giảm khoản phải thu so với năm trước 62 tỷ, đảm bảo việc góp vốn đầu tư vào Công ty CP Ehula : 52 tỷ và thực hiện trả nợ khách hàng và vay ngắn hạn ngân hàng
 - Tổng các khoản phải thu giảm 62 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Công nợ phải thu giảm : 60,6 tỷ đồng (180/241 tỷ đồng) do trong năm Công ty đã quyết toán giá trị KLHT và thu hồi được một số khoản phải thu thuộc các dự án thủy điện đã kết thúc thi công , tiền ứng trước cho nhà cung cấp vật tư tăng 2,7 tỷ đồng, các khoản phải thu khác tăng: 3,9 tỷ đồng
 - Hàng tồn kho tăng 12,8 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do một số công trình như TĐ Nậm Bùm 1, Khánh Khê đã đi vào thi công giai đoạn đầu nhưng chưa được chủ đầu tư thanh toán
 - Tài sản ngắn hạn khác tăng 0,7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do khoản thuế GTGT đầu vào đã được khấu trừ chờ bù trừ vào thuế GTGT đầu ra phải nộp
 - Tài sản cố định: Giá trị tài cố định giảm : 4,8 tỷ so với cùng kỳ năm trước do trong năm Công ty thực hiện thanh lý một số TSCD cũ hỏng không có nhu cầu sử dụng với giá trị còn lại 0,8 tỷ đồng và khấu hao trong năm: 5,6 tỷ đồng trong khi thực hiện tái đầu tư nâng cao thiết bị: 1,6 tỷ
 - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn tăng 51,9 tỷ đồng (185,2/133,3) so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do trong năm Công ty thực hiện góp vốn thêm 53 tỷ vào Công ty cổ phần EHULA
- b) **Tình hình nợ phải trả**: Tổng nợ phải trả của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 là: 37,5 tỷ đồng; giảm: 31,9 tỷ đồng. Các khoản nợ trên đều có đầy đủ hồ sơ và đối chiếu nên không phát sinh khoản nợ xấu. Cụ thể như sau:
- Số dư nợ vay và nợ ngắn hạn : 25,9 tỷ đồng được vay tại các ngân hàng BIDV Gia Lai và huy động của CBCNV để phục vụ nhu cầu SXKD. Trong đó khoản vay đến hạn phải trả sớm nhất là ngày 29/05/2018 và Công ty đảm bảo đủ nguồn để thực hiện chi trả đúng hạn
 - Công nợ phải trả khách hàng 35,7 tỷ là các khoản nợ phải trả các nhà cung cấp với thời gian chậm trả 30 đến 45 ngày và Công ty đảm bảo thanh toán đúng hạn từ nguồn tiền gửi và các khoản phải thu được chủ đầu tư thanh toán hàng kỳ
 - Khoản công nợ tiền ứng trước của khách hàng: 33,6 tỷ là các khoản ứng hợp đồng của một số chủ đầu tư và được khấu trừ dần vào giá trị khối lượng hoàn thành
 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước: 3,5 tỷ chủ yếu là thuế TNDN năm 2017 và thuế GTGT tháng 12/2017, Công ty đã thực hiện chi trả vào ngày 20/01/2018

- Khoản phải trả người lao động : 23,3 tỷ chủ yếu là tiền lương tháng 11+12/2017, tiền phép, thu lao HĐQT, BKS chưa chi trả trong năm 2017. Công ty đã hoàn thành việc chi trả tiền lương tháng 11+12/2017 trong tháng 1/2018 và chi trả thù lao cho HĐQT & BKS, chế độ phép, tàu xe xong trước 31/03/2018 theo qui định
- Khoản chi phí phải trả: 3,8 tỷ đồng là khoản lãi vay dự chi đến 31/12/2017 và các khoản chi phí đã cấu thành sản phẩm xây lắp được xác nhận, xuất hóa đơn và thực hiện chi trả trong quý I/2018
- Khoản phải trả khác: 9,3 tỷ đồng trong đó chủ yếu là khoản tiền tiền phí, kinh phí công đoàn chưa chi dùng và khoản tiền nhận ủy thác đầu tư vào Công ty cổ phần EHULA

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Về cơ cấu tổ chức : Mục tiêu của Công ty là thu gọn cấp quản lý trung gian nhằm giảm thiểu chi phí trung gian, bố trí lại một số lực lượng cán bộ quản lý công trường phù hợp với qui mô hiện tại cho từng đầu mỗi công trình, kiên quyết tinh giảm lực lượng chuyên môn đáp ứng được yêu cầu công việc
- Chính sách quản lý: Tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình; kiểm soát rủi ro và thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống quản lý đảm bảo nguyên tắc minh bạch; Tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008 trong toàn Công ty; Xây dựng và ban hành hệ thống các qui chế quản lý phù hợp với các văn bản, chính sách, chế độ hiện hành và tình hình thực tế của Công ty; cung cấp thông tin báo cáo kịp thời, chính xác để Ban lãnh đạo chỉ đạo và điều hành công việc đạt hiệu quả, thắt chặt công tác quản lý nội bộ cho từng gói thầu gắn trách nhiệm của Chỉ huy trưởng các công trường trong việc kiểm soát, quản lý công trình kịp thời ngăn ngừa các yếu tố gây thất thoát

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai :

- Cơ cấu lại ngành nghề : Tiếp tục duy trì ngành nghề xây lắp các dự án thủy điện vừa và nhỏ trong nước đã và đang chuẩn bị khởi công và các dự án tương tự tại các nước lân cận trên nguyên tắc thận trọng, kiểm soát rủi ro
 - Đầu tư dài hạn: Chỉ đạo và phối hợp cùng các cổ đông khác khai thác lợi thế, thực hiện cơ chế quản lý chặt chẽ tại các con và công ty liên kết nhằm tăng lợi ích đối với phần vốn đầu tư của Công ty. Tập trung hoàn thiện pháp lý, giám sát chặt chẽ tiến độ triển khai công tác đầu tư, xây dựng dự án TĐ Nậm Bùm 1 và Nậm Bùm 2 thuộc Công ty cổ phần EHULA do Công ty góp vốn chi phối theo kế hoạch đã được UBND Tỉnh Lai Châu phê duyệt và tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư hoặc góp vốn đầu tư dự án thủy điện phù hợp với chuyên môn, ngành nghề hiện tại và khả năng tài chính của Công ty nhưng phải giữ tỷ lệ chi phối hoặc tỷ lệ kiểm soát để có thể nắm quyền quản lý, điều hành nhằm bảo vệ hiệu quả vốn đầu tư
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán : Chấp thuận với ý kiến và số liệu kiểm toán, cam kết về tính minh bạch về các số liệu báo cáo và các tài liệu cung cấp cho đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty

- Ngay đầu năm Hội đồng quản trị họp bàn cùng với ban giám đốc nhằm phân tích, đánh giá, xây dựng kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2017 trình Đại hội cổ đông thông qua. Trên cơ sở nghị quyết đã được đại hội cổ đông thông qua năm 2017, HĐQT phân công nhiệm vụ cho các thành viên theo chuyên môn thường xuyên kiểm tra thực tế chỉ đạo ban giám đốc bám sát nghị quyết để tổ chức triển khai.
- Định kỳ hàng quý HĐQT tổ chức họp kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện trong quý đồng thời thống nhất các giải pháp trong kỳ tiếp theo và đưa ra ý kiến chỉ đạo kịp thời. Cùng xem xét thống nhất các nghị quyết thuộc thẩm quyền của HĐQT phù hợp từng thời điểm để Ban giám đốc điều hành thực hiện các mục tiêu trong quản lý SXKD đảm bảo

hiệu quả kinh doanh. Trong năm HĐQT đã tổ chức họp định kỳ tập trung 02 lần và tổ chức xin ý kiến bằng văn bản xem xét một số đề xuất do Giám đốc điều hành trình, thống nhất thông qua 32 nghị quyết kèm theo các quyết định cụ thể tương ứng với các nội dung trong nghị quyết bao gồm:

- 01 Nghị quyết thông qua việc quyết toán tiền lương cho ban giám đốc năm 2015, kế hoạch SXKD và đầu tư 2017 trình ĐHCĐ.
 - 01 Nghị quyết thông qua phương án thoái vốn tại Công ty cổ phần năng lượng Dạ Têh
 - 01 Nghị quyết cử người thực hiện quyền biểu quyết tại các ĐHCĐ thường niên năm 2017 tại các công ty con, công ty liên kết
 - 01 Nghị quyết thông qua nội dung tài liệu trình ĐHCĐ thường niên 2017 và quyết toán tiền lương cho ban Giám đốc, kế toán trưởng năm 2016
 - 01 Nghị quyết thông qua việc thôi nhiệm chức danh PGĐ Công ty đối với Ông Phạm Văn Huấn
 - 01 Nghị quyết thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức 2016 từ nguồn LN sau thuế của Cty theo NQ ĐHCĐ thường niên 2017
 - 04 Nghị quyết thông qua phương án đầu tư xe máy thiết bị "Nâng cao năng lực thiết bị thi công" tổng giá trị đầu tư trong năm 1,63 tỷ đồng
 - 01 Nghị quyết thông qua phương án cho vay ngắn hạn đối với Công ty cổ phần ĐT và PT Việt Hoàng để triển khai đầu tư dự án TĐ Nậm Bùm 1
 - 01 Nghị quyết thông qua việc Ban hành Quy định về huy động vốn nhân rỗi của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài công ty để phục vụ nhu cầu SXKD
 - 01 Nghị quyết thông qua việc niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức 2016
 - 01 Nghị quyết thông qua kết quả hoạt động SXKD và đầu tư 6 tháng đầu năm 2017 và KH phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ
 - 01 Nghị quyết thông qua việc sửa đổi hệ thống thang bảng lương mới áp dụng từ năm 2017 theo qui định
 - 01 Nghị quyết thông qua việc thay đổi nội dung ĐKKD
 - 01 Nghị quyết thông qua việc nâng bậc lương cho thành viên HĐQT chuyên trách, Ban giám đốc và Kế toán trưởng công ty
 - 01 Nghị quyết thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của theo Nghị quyết ĐHCĐ bất thường năm 2017
 - 01 Nghị quyết thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng
 - 01 Nghị quyết thông qua việc tham gia liên danh với công ty Soma Enterprise Limited để đấu thầu và thực hiện DA Pakal Dul tại Ấn Độ
 - 01 Nghị quyết thông qua việc nhận uỷ thác góp vốn đầu tư vào công ty cổ phần Ehula để triển khai đầu tư dự án TĐ Nậm Bùm 1
 - 01 Nghị quyết thông qua nguyên tắc xác định giá chào bán, đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau phát hành, tỷ lệ chào bán thành công và phương án xử lý trong trường hợp chào bán không đạt tỷ lệ chào bán thành công
 - 01 Nghị quyết thông qua cam kết mua toàn bộ cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không đăng ký mua hết và thực hiện góp vốn điều lệ tại CTCP Ehula để triển khai DATĐ Nậm Bùm 1
 - 08 Nghị quyết thông qua việc thanh lý một số TSCĐ cũ hỏng, làm việc kém hiệu quả với tổng giá trị thu hồi 1,83 tỷ đồng
 - 01 Nghị quyết thông qua việc chuyển số tiền gốc và một phần lãi cho vay sang góp vốn điều lệ tại Công ty CP Ehula để triển khai DATĐ Nậm Bùm 1
- Trong quản lý các hợp đồng xây lắp: HĐQT luôn chỉ đạo Ban giám đốc bám sát các điều khoản cam kết giữa nhà thầu với chủ đầu tư, cùng xem xét thực tế từng công trình để đưa ra giải pháp thi công tối ưu đồng thời kiểm soát chặt chẽ biện pháp, khối lượng trong thi

công và các pháp lý cần thiết trong quá trình thực hiện hợp đồng đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro và thu hồi vốn kịp thời

- Trong quản lý nội bộ: Trên cơ sở các chỉ tiêu chung toàn Công ty đã được HĐQT phê duyệt, Giám đốc điều hành chủ động tổ chức tìm kiếm công việc, đàm phán và ký kết các hợp đồng thi công xây lắp với các chủ đầu tư, đồng thời ký hợp đồng giao khoán nội bộ cho từng công trình phù hợp với từng điều kiện công việc cụ thể trên nguyên tắc nhằm đảm bảo mục tiêu lợi nhuận và hài hòa lợi ích của các cổ đông và người lao động trong DN và tuân thủ các quy định của Nhà nước, qui chế Công ty.
- Về quản lý các khoản đầu tư: Đã hoàn thành việc thoái vốn tại Công ty cổ phần năng lượng Đa Terh để tập trung cho mục tiêu đầu tư có tính khả thi hơn, đã hoàn thành việc mua lại Công ty CP ĐT và PT Việt Hoàng và đổi tên thành Công ty cổ phần EHULA sau khi đã được UBND Tỉnh Lai Châu cấp chủ trương tới đầu tư dự án thủy điện Nậm Bùm 1 và Nậm Bùm 2, sau đó HĐQT Công ty đã cử người đại diện phần vốn có chuyên môn để tập trung vào công tác chuẩn bị và triển khai đầu tư theo cam kết với UBND tỉnh Lai Châu
- Trong sử dụng nguồn lực: Thực hiện bán thanh lý một số phương tiện tài sản không hoặc chưa có nhu cầu sử dụng hoặc làm việc kém hiệu quả để thu hồi vốn cho SXKD tránh lãng phí trong thời gian chờ việc và thực hiện tái đầu tư thiết bị mới khi có nhu cầu.
- Trong công tác quản lý, ngăn ngừa và xử lý rủi ro: Trong năm qua HĐQT và Ban lãnh đạo công ty chưa thực sâu sát trong việc đánh giá rủi ro từng gói thầu nhằm ngăn ngừa rủi ro có thể xảy ra dẫn đến một số gói thầu bị chậm trễ trong việc thanh toán, vướng mắc làm tăng phát sinh phải thu khó đòi, nợ quá hạn
- Nhìn chung HĐQT luôn xem xét thận trọng cho từng vấn đề trước khi quyết định, giải quyết và tháo gỡ kịp thời các vấn đề trong quản lý, đảm bảo đúng thẩm quyền, đúng qui định của pháp luật và hiệu quả kinh tế

2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Ban giám đốc Công ty luôn bám sát nghị các mục tiêu SXKD đã đề ra, thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm qui định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, luôn cân đối sử dụng hiệu quả các nguồn lực hiện có, chặt chẽ trong quản lý nội bộ, tuân thủ các qui chế nội bộ và các qui định của pháp luật. Tuy nhiên do những yếu tố khách quan trong năm Ban giám đốc chưa tìm kiếm thêm các gói thầu mới là một trong những nguyên nhân dẫn đến không đạt KH về qui mô sản lượng và doanh thu

3. **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

- Phê duyệt kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư và kế hoạch tài chính năm 2018 trên nguyên tắc thận trọng, khả thi để trình Đại hội cổ đông thông qua. Trong đó đặt trọng tâm hoàn thiện pháp lý, giám sát chặt chẽ tiến độ triển khai công tác đầu tư, xây dựng dự án TĐ Nậm Bùm 1 và Nậm Bùm 2 thuộc Công ty cổ phần EHULA do Công ty góp vốn chi phối theo kế hoạch đã được UBND Tỉnh Lai Châu phê duyệt, bên cạnh đó tập trung tối đa cho công tác thu hồi công nợ, ngăn ngừa rủi ro.
- Duy trì thường xuyên chế độ làm việc theo qui chế hoạt động của HĐQT trên cơ sở bám sát nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, giám sát quá trình tổ chức SXKD và đầu tư để có những chỉ đạo kịp thời trong từng giai đoạn nhằm hoàn thành các mục tiêu kế hoạch năm 2018 đề ra.
- Tiếp tục xây dựng và ban hành hệ thống các qui chế quản lý tại Công ty và các Công ty con, công ty liên kết theo thẩm quyền nhằm vận hành phù hợp với các văn bản, chính sách, chế độ hiện hành của pháp luật Nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty nhằm vận hành có hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành SXKD.
- Thông qua người đại diện phần vốn của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết,.. phối hợp cùng các cổ đông khác thực hiện quyền của mình theo pháp luật và theo tỷ lệ

góp vốn trong việc quản lý, giám sát chặt chẽ nhằm tăng lợi ích đối với phần vốn đầu tư của Công ty.

- Duy trì hệ thống cung cấp thông tin báo cáo kịp thời, chính xác để HĐQT chỉ đạo và điều hành công việc đạt hiệu quả.
- Chỉ đạo công tác thanh kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm kịp thời chấn chỉnh hệ thống quản lý đảm bảo đúng thẩm quyền, nguyên tắc và minh bạch

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Đặng Quang Đạt	Chủ tịch	1962	Kỹ sư XD ngầm	13,49%
2	Nguyễn Đình Phương	Thành viên	1962	Kỹ sư XD ngầm	0,0%
3	Đặng Văn Tuyển	Thành viên	1971	Kỹ sư XD	1,67%
4	Vũ Sơn Thủy	Thành viên	1977	Cử nhân TC-KT	3,32%
5	Nguyễn Hoài Thanh	Thành viên	1983	Cử nhân KT-KT	0,0%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty không có tiểu ban thuộc HĐQT

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp của HĐQT năm 2017:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1	Đặng Quang Đạt	CT HĐQT	3	100	
2	Nguyễn Đình Phương	UV HĐQT	3	100	
3	Vũ Sơn Thủy	UV HĐQT	3	100	
4	Nguyễn Hoài Thanh	UV HĐQT	3	100	
5	Đặng Văn Tuyển	UV HĐQT	3	100	

Trên đây là số lần tổ chức cuộc họp HĐQT trực tiếp, ngoài ra tất cả các nghị quyết đều tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT trước khi thông qua

- Các nghị quyết được thông qua của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/BB-S55-HĐQT	04/01/2017	Vv Thông qua kết quả SXKD năm 2016, Kế hoạch SXKD, KH đầu tư 2017, chương trình ĐHCĐ 2017; hạn mức tín dụng và bảo lãnh năm 2017
2	27/NQ-S55-HĐQT	17/1/2017	Vv Thông qua phương án thanh lý TSCĐ cũ, làm việc kém hiệu quả
3	64/NQ-S55-HĐQT	01/03/2017	Vv Thông qua phương án thoái vốn tại CTCP NL Đà Nẵng
4	80/NQ-S55-HĐQT	10/03/2017	Vv Cử người thực hiện quyền biểu quyết tại các ĐHCĐ thường niên năm 2017 tại các công ty con, công ty liên kết.
5	81/NQ-S55-HĐQT	13/3/2017	Vv Thông qua phương án thanh lý TSCĐ cũ, làm việc kém hiệu quả
	92/NQ-S55-HĐQT	15/3/2017	Vv: Thông qua nội dung tài liệu trình ĐHCĐ thường niên 2017 và quyết toán tiền

6			lương cho ban Giám đốc, kế toán trưởng năm 2016
7	130/NQ-S55-HĐQT	03/04/2017	Vv Thôi nhiệm chức danh PGĐ Công ty Phạm Văn Huấn
8	134/NQ-S55-HĐQT	10/4/2017	Vv Thông qua phương án thanh lý TSCĐ cũ, Không có nhu cầu sử dụng
9	137/NQ-S55-HĐQT	11/4/2017	Vv Thông qua phương án thanh lý TSCĐ cũ, Không có nhu cầu sử dụng
10	128/NQ-S55-HĐQT	06/4/2017	Vv thông qua phương án phát hành CP để chi trả cổ tức 2016 từ nguồn LN sau thuế của Cty theo NQ ĐHCĐ thường niên 2017
11	163/NQ-S55-HĐQT	18/4/2017	Vv Thông qua phương án thanh lý TSCĐ cũ, Không có nhu cầu sử dụng
12	216/NQ-S55-HĐQT	26/05/2017	Vv Thông qua phương thức đầu tư dự án "Nâng cao năng lực thi công"
13	263/NQ-S55-HĐQT	01/07/2017	Thông qua PA cho vay ngắn hạn đối với CTCP ĐT và PT Việt Hoàng để triển khai đầu tư DATĐ Nậm Bùm 1
14	268/QĐ-S55-HĐQT	02/7/2017	Ban hành Quy định về huy động vốn nhân rồi của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài công ty để phục vụ nhu cầu SXKD
15	259/NQ-S55-HĐQT	04/7/2017	Vv Thông qua phương án thanh lý TSCĐ cũ, Không có nhu cầu sử dụng
16	272/NQ-S55-HĐQT	07/7/2017	Vv Niêm yết bổ sung CP phát hành để chi trả cổ tức 2016
17	284/NQ-S55-HĐQT	17/7/2017	Thông qua phương án thanh lý TSCĐ cũ, Không có nhu cầu sử dụng
18	295B/BB-S55-HĐQT	21/07/2017	Thông qua KQ SXKD&ĐT 6 tháng đầu năm 2017 và KH phát hành CP cho cổ đông hiện hữu để tăng VDL
19	307/NQ-S55-HĐQT	31/07/2017	Sửa đổi bổ sung hệ thống thang bảng lương ủa Công ty
20	313/NQ-S55-HĐQT	01/08/2017	Thay đổi nội dung ĐKKD
21	322/NQ-S55-HĐQT	08/08/2017	Vvn Nâng bậc lương cho thành viên HĐQT chuyên trách, các PGĐ và KTT công ty
22	372/NQ-S55-HĐQT	06/09/2017	Về phương án phát hành CP cho CĐ hiện hữu để tăng VDL của Cty theo NQ ĐHCĐ bất thường 2017
	406/NQ-S55-HĐQT	20/09/2017	Vv thông qua việc tham gia liên danh với công ty Soma Enterprise Limited để đấu

23			thầu và thực hiện DA Pakal Dul tại Ấn Độ
24	428/NQ-S55-HĐQT	11/10/2017	Thông qua phương án thanh lý TSCĐ cũ, Không có nhu cầu sử dụng
25	453/NQ-S55-HĐQT	23/10/2017	Vv Thông qua phương thức đầu tư dự án "Nâng cao năng lực TB thi công"
26	458/NQ-S55-HĐQT	05/11/2017	Vv thông qua hồ sơ đăng ký chào bán CP ra công chúng
27	460/NQ-S55-HĐQT	05/11/2017	NQ: Thông qua việc nhận uỷ thác góp vốn đầu tư vào CTCP Ehula để triển khai ĐT DATĐ Nậm Bùm 1
28	495B/NQ-S55-HĐQT	28/11/2017	Vv cam kết mua toàn bộ CP các CĐ hiện hữu không đăng ký mua hết, CP lẻ phát sinh và thực hiện góp VDL tại CTCP Ehula để triển khai DATĐ Nậm Bùm 1
29	534/NQ-S55-HĐQT	18/12/2017	NQ: Vv Thông qua phương thức đầu tư dự án "Nâng cao năng lực TB thi công"
30	545/NQ-S55-HĐQT	26/12/2017	Vv Thông qua phương thức đầu tư dự án "Nâng cao năng lực TB thi công"
31	548/NQ-S55-HĐQT	26/12/2017	Vv thông qua nguyên tắc XD giá chào bán, đánh giá mức độ pha loãng CP dự kiến sau phát hành, tỷ lệ chào bán thành công và PA xử lý trong trường hợp chào bán không đạt tỷ lệ chào bán thành công, thông qua việc cho CĐ chuyển nhượng quyền mua CP phát hành thêm
32	554/NQ-S55-HĐQT	31/12/2017	Vv thông qua việc chuyển số tiền gốc và một phần lãi cho vay sang góp VDL tại CTCP Ehula để triển khai ĐT DATĐ Nậm Bùm 1

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Công ty có 02 thành viên HĐQT không tham gia điều hành thực hiện nhiệm vụ theo phân công nhiệm vụ của Hội đồng quản trị phù hợp với chuyên môn và qui chế hoạt động của HĐQT, bên cạnh đó thành viên này thực hiện chức năng vai trò độc lập đại diện cho quyền và lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện ý kiến trong các cuộc họp HĐQT

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có tiểu ban

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Chứng chỉ đào tạo	Năm cấp chứng chỉ
1	Đặng Quang Đạt	Thành viên	1962		2006
2	Đặng Văn Tuyên	Thành viên	1971	06024-1/QĐ-DT	2006

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Đặng Thanh Nam	Trưởng ban	1981	Cử nhân TC-KT	0,0%
2	Nguyễn Thế Hoàn	Thành viên	1977	Trung cấp	0,0%
3	Đặng Thị Ngọc Nhung	Thành viên	1987	Cử nhân kinh tế	1,8%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của ban kiểm soát theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và Luật doanh nghiệp, ngay đầu năm 2017 Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch làm việc trong năm và phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn của từng thành viên để phối hợp kiểm tra, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong các quyết định đầu tư, quản lý, điều hành SXKD đảm bảo minh bạch, khách quan, tuân thủ các qui định của pháp luật và qui định của công ty; định kỳ thẩm tra báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và báo cáo tài chính năm của công ty,... Trong năm qua, do các thành viên Ban kiểm soát đa phần đều kiêm nhiệm nên công tác kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chưa được thường xuyên dẫn đến công tác trao đổi thông tin, phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát Công ty với các cổ đông chưa tốt. Tuy nhiên trên cơ sở các tài liệu do ban lãnh đạo Công ty cung cấp theo yêu cầu và quá trình thẩm định các tài liệu báo cáo, ban kiểm soát cùng thống nhất đưa ra ý kiến đánh giá như sau:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 được thể hiện đầy đủ, rõ ràng, trung thực.
- HĐQT, Ban Giám đốc đã bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 để điều hành hoạt động kinh doanh hiệu quả, có lãi, đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông như dự kiến
- Các khoản mục đầu tư của Công ty tại các doanh nghiệp sở hữu dự án thủy điện đã đi vào hoạt động ổn định và đảm bảo hiệu quả bao gồm: Công ty CP Điện Bắc Nà, Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Ông, Công ty CP Đầu tư AnZen.
- Báo cáo tài chính năm 2017 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính được Công ty lập theo đúng các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty.
- Việc lập và luân chuyển, sử dụng và bảo quản chứng từ kế toán nhìn chung đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ; sổ sách kế toán được lập, ghi chép, sử dụng và bảo quản đầy đủ, kịp thời và theo đúng quy định về bầu biểu của chế độ kế toán hiện hành.
- Công tác báo cáo, công bố thông tin tài chính định kỳ và theo yêu cầu của UBCKNN, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội được thực hiện theo đúng quy định đối với Công ty niêm yết
- Tính đến 31/12/2017 các chỉ số tài chính của Công ty cơ bản thể hiện được tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động của doanh nghiệp, đảm bảo có lợi nhuận, trích lập các quỹ theo đúng quy định.
- Tổng tài sản đến 31/12/2017 đạt 428.617 trđ, trong đó tài sản ngắn hạn đạt 225.619 trđ chiếm 52,6%, tài sản dài hạn là 202.998 trđ chiếm 47,4% tổng tài sản. Trong tài sản ngắn hạn, Công ty có lượng tiền và tương đương tiền khá tốt có thể chủ động cho hoạt động kinh doanh, các khoản phải thu được rà soát, đánh giá và trích lập dự phòng đúng quy định. Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu là các khoản đầu tư vào các công ty thủy điện sở hữu các dự án thủy điện đã đi vào hoạt động và có lãi, đầu tư vào Công ty CP Ehula để triển khai dự án Nậm Bùm 1, Nậm Bùm 2 như đã phân tích ở phần trên.
- Tổng nguồn vốn tại 31/12/2017 là 428.617 trđ, trong đó nợ phải trả chiếm 32,1% tổng nguồn vốn, đây là mức hệ số nợ khá an toàn và lành mạnh.

- Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, chỉ tiêu hoạt động, chỉ tiêu hiệu quả tại 31/12/2017 cho thấy Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, vòng quay vốn hợp lý, hiệu quả hoạt động khá tốt
- Báo cáo của HĐQT đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty. Năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 32 nghị quyết phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty. Các nghị quyết Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, được các thành viên nhất trí cao, đồng thời được Ban điều hành tổ chức triển khai nghiêm túc, kịp thời và có hiệu quả.
- Hội đồng quản trị đã bám sát và tích cực chỉ đạo Ban GD điều hành để triển khai thực hiện các mục tiêu mà Đại hội cổ đông đã đề ra. Định kỳ hàng quý, Hội đồng quản trị đều tổ chức họp đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý và đề ra kế hoạch cho quý tiếp theo.
- Năm 2017 Công ty đã tổ chức Đại hội cổ đông bất thường vào ngày 05/09/2017 để thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ. Việc tổ chức họp đại hội cổ đông bất thường được thực hiện theo đúng quy định.

3. Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Thưởng	Cộng
1	Đặng Quang Đạt	Chủ tịch HĐQT kiêm GD	285.696.947	108.000.000		393.696.947
2	Đặng Văn Tuyên	TV HĐQT kiêm PGĐ Công ty		84.000.000		84.000.000
3	Vũ Sơn Thủy	TV HĐQT kiêm Kế toán trưởng	469.177.600	84.000.000		553.177.600
4	Nguyễn Đình Phương	TV HĐQT kiêm PGĐ Công ty	292.943.805	84.000.000		376.943.805
5	Nguyễn Hoài Thanh	Thành viên HĐQT		84.000.000		84.000.000
6	Trần Thái Bình	Phó giám đốc	505.917.600			505.917.600
7	Lê Văn Phúc	PGĐ kiêm GD Chi nhánh 515	217.217.204			217.217.204
8	Nguyễn Ngọc Ánh	Phó GD Công ty	300.117.600			300.117.600
9	Phạm Văn Huân	Phó GD kiêm chỉ huy trưởng	40.523.920			40.523.920
11	Đặng Thanh Nam	Trưởng BKS		60.000.000		60.000.000
12	Nguyễn Thế Hoàn	Thành viên BKS	283.236.327	36.000.000		319.236.327
13	Đặng Th Ngọc Nhung	Thành viên BKS	218.076.448	36.000.000		254.076.448
	Tổng cộng		2.612.907.451	576.000.000	0	3.188.907.451

Trên đây là thu nhập tiền lương, tiền thù lao thuộc trách nhiệm của Sông Đà 505v chi trả, chưa bao gồm phần thu nhập tham gia điều hành tại Công ty con, công ty liên kết

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	

1	Đặng Quang Đạt	Cổ đông NB	589.974	11,82%	689.974	13,82%	Tăng tỷ lệ sở hữu
2	Đặng Văn Tuyên	Cổ đông NB	216.000	3,61%	100.000	1,67%	Chi dùng cá nhân

- c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không phát sinh hợp đồng giao dịch
- d) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Việc xây dựng và ban hành hệ thống các qui chế chưa được điều chỉnh kịp thời với các văn bản pháp luật Nhà nước hiện hành. Đơn vị sẽ hoàn thành việc xây dựng và ban hành hệ thống các qui chế quản lý Công ty phù hợp với các văn bản, chính sách, chế độ hiện hành của pháp luật Nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty nhằm vận hành có hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành SXKD

VI. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2017

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính Công ty mẹ được kiểm toán

2.1 Bảng cân đối kế toán

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		225.619.294.527	272.069.861.810
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		72.352.660.747	70.378.368.594
1. Tiền	111	5	352.660.747	6.378.368.594
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	72.000.000.000	64.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		63.504.000	68.208.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	7.a	193.296.552	193.296.552
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	7.a	(129.792.552)	(125.088.552)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		117.547.342.614	179.535.079.757
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	180.340.869.282	241.012.100.588
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	4.175.673.816	1.474.960.729
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	7.105.735.012	11.099.103.858
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(74.074.935.496)	(74.051.085.418)
IV. Hàng tồn kho	140	12	33.763.845.040	20.939.403.227
1. Hàng tồn kho	141		33.763.845.040	20.939.403.227
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.891.942.126	1.148.802.232
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	829.409.327	1.148.764.940
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.039.712.436	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	22.820.363	37.292
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		202.998.590.214	156.063.735.843
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.650.575.570	14.455.828.342
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	9.650.575.570	14.455.828.342
- Nguyên giá	222		72.640.931.841	77.645.511.438
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.990.356.271)	(63.189.683.096)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		185.249.600.000	133.329.600.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	7b	123.943.600.000	70.923.600.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	7b	41.082.000.000	41.082.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7b	20.224.000.000	21.324.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.098.414.644	8.278.307.501
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	8.098.414.644	8.278.307.501
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		428.617.884.741	428.133.597.653

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		137.581.422.612	169.489.766.239
I. Nợ ngắn hạn	310		137.581.422.612	169.113.649.252
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	35.713.589.377	38.011.591.628
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	33.632.344.353	19.965.409.912
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	3.511.177.879	7.553.854.230
4. Phải trả người lao động	314	18	23.289.739.555	25.776.978.412
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	3.802.720.965	2.951.078.688
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	9.281.632.186	3.252.610.573
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	25.927.225.737	67.102.673.349
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	2.378.356.902
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.422.992.560	2.121.095.558
II. Nợ dài hạn	330		-	376.116.987
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337		-	376.116.987
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		291.036.462.129	258.643.831.414
I. Vốn chủ sở hữu	410		291.036.462.129	258.643.831.414
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	59.903.490.000	49.920.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.903.490.000	49.920.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	43.125.212.265	43.125.212.265
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	138.911.721.351	119.764.422.258
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	49.096.038.513	45.834.196.891
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	22	10.711.407.798	3.751.977.948
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	22	38.384.630.715	42.082.218.943
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		428.617.884.741	428.133.597.653

2.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	231.330.466.789	387.373.379.308
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	3.744.703.373	9.522.188.652
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		227.585.763.416	377.851.190.656
4. Giá vốn hàng bán	11	25	193.481.824.718	334.311.680.341
5. LN gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		34.103.938.698	43.539.510.315
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	17.692.959.599	9.642.110.880
7. Chi phí tài chính	22	27	2.815.078.597	251.826.359
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.795.102.666	3.762.197.563

8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	11.356.765.691	13.383.787.085
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37.625.054.009	39.546.007.751
11.	Thu nhập khác	31	29	4.068.175.667	8.999.438.105
12.	Chi phí khác	32	30	139.451.366	1.131.290.856
13.	Lợi nhuận khác	40		3.928.724.301	7.868.147.249
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41.553.778.310	47.414.155.000
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	3.169.147.595	5.331.936.057
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		38.384.630.715	42.082.218.943
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	50	6.408	5.486
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	51	6.408	5.486

2.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		41.553.778.310	47.414.155.000
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	14	5.574.915.053	7.315.788.024
- Các khoản dự phòng	03		(2.349.802.824)	(10.010.143.648)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		15.271.931	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(18.671.603.699)	(9.086.936.016)
- Chi phí lãi vay	06	27	2.795.102.666	3.762.197.563
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		28.917.661.437	39.395.060.923
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		60.932.558.916	(30.931.176.634)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.824.441.813)	2.311.367.296
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.308.850.468	(50.087.121.195)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		499.248.470	1.006.921.827
- Tiền lãi vay đã trả	14	19, 20, 27	(1.933.626.005)	(4.305.704.223)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(3.995.910.839)	(1.507.247.271)

-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(698.102.998)	(1.447.235.015)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		82.206.237.636	(45.565.134.292)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1.	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	14	(1.626.363.636)	(11.458.027.274)
2.	Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		1.835.345.455	5.688.192.183
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(22.619.832.800)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		3.519.832.800	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	7.b	(33.520.000.000)	(39.933.600.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.b	1.100.000.000	25.997.528.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.261.792.241	9.527.782.880
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(34.049.225.940)	(10.178.124.211)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
----------	-------	-------------	-----------------	-----------------

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1.	Tiền thu từ đi vay	33	21	88.148.250.033	102.628.794.021
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	21	(129.323.697.645)	(88.949.994.261)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	22c, 22d	(4.992.000.000)	(10.014.824.750)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(46.167.447.612)	3.663.975.010
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.989.564.084	(52.079.283.493)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5, 6	70.378.368.594	122.457.652.087
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(15.271.931)	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5, 6	72.352.660.747	70.378.368.594

3. Báo cáo tài chính Hợp nhất mẹ được kiểm toán

3.1 Bảng cân đối kế toán

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		255.903.448.778	291.510.259.526
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	74.039.613.744	84.725.958.486
1. Tiền	111		2.039.613.744	6.725.958.486
2. Các khoản tương đương tiền	112		72.000.000.000	78.000.000.000

II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.463.504.000	5.068.208.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	193.296.552	193.296.552
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(129.792.552)	(125.088.552)
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.b	16.400.000.000	5.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		128.367.246.616	177.619.626.012
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	180.444.932.143	236.277.577.330
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	6.785.638.234	3.908.050.304
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	9	15.211.611.735	11.485.083.796
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(74.074.935.496)	(74.051.085.418)
IV.	Hàng tồn kho	140	11	33.763.845.040	20.939.403.227
1.	Hàng tồn kho	141		33.763.845.040	20.939.403.227
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		3.269.239.378	3.157.063.801
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	968.905.034	1.148.764.940
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.277.513.981	2.008.261.569
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	22.820.363	37.292
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		523.080.377.472	491.388.299.912
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II.	Tài sản cố định	220		405.505.997.057	15.037.248.801
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	13	405.505.997.057	15.037.248.801
	- Nguyên giá	222		486.703.356.812	78.722.081.475
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.197.359.755)	(63.684.832.674)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		25.501.710.991	399.399.658.478
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	25.501.710.991	399.399.658.478
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		70.498.142.119	68.078.035.254
1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.c	50.274.142.119	46.754.035.254
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.d	20.224.000.000	21.324.000.000
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		21.574.527.305	8.873.357.379
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	20.590.450.836	8.278.307.501
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	984.076.469	595.049.878
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		778.983.826.250	782.898.559.438
		Mã	Thuyết	31/12/2017	01/01/2017
	NGUỒN VỐN	số	minh	VND	VND
A.	Nợ phải trả	300		403.799.896.022	459.861.741.669
I.	Nợ ngắn hạn	310		164.889.786.044	185.575.514.704
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	42.129.860.153	46.368.491.896
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	15.632.344.353	19.965.409.912
3.	Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	18	6.139.552.176	7.553.854.230

4.	Phải trả người lao động	314	19	24.214.800.169	26.285.978.412
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	4.319.217.790	3.488.991.439
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	21	9.903.793.106	3.651.610.573
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22.a	60.127.225.737	73.761.725.782
8.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	2.378.356.902
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.422.992.560	2.121.095.558
II.	Nợ dài hạn	330		238.910.109.978	274.286.226.965
1.	Phải trả dài hạn khác	337		-	376.116.987
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22.b	238.910.109.978	273.910.109.978
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		375.183.930.228	323.036.817.769
I.	Vốn chủ sở hữu	410	23	375.183.930.228	323.036.817.769
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	23	59.903.490.000	49.920.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.903.490.000	49.920.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	23	43.125.212.265	43.125.212.265
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418	23	138.911.721.351	119.764.422.258
4.	Lợi nhuận sau thuế CPP	421	23	59.264.948.728	46.150.783.246
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.659.851.161	4.799.359.125
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		48.605.097.567	41.351.424.121
5.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		73.978.557.884	64.076.400.000
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		778.983.826.250	782.898.559.438

3.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1.	01	24	289.833.602.260	316.584.415.119
2.	02	25	3.744.703.373	9.522.188.652
3.	10		286.088.898.887	307.062.226.467
4.	11	26	204.879.315.786	267.388.782.735
5.	20		81.209.583.101	39.673.443.732
6.	21	27	17.717.050.578	9.642.110.880
7.	22	28	32.195.660.854	2.319.121.553
	23		32.175.684.923	3.762.197.563
8.	24		3.520.106.865	4.609.230.777
9.	25		-	-
10.	26	29	13.230.066.755	13.383.787.085
11.	30		57.021.012.935	38.221.876.751

12. Thu nhập khác	31	30	4.068.175.667	8.999.438.105
13. Chi phí khác	32	31	139.451.366	1.131.290.856
14. Lợi nhuận khác	40		3.928.724.301	7.868.147.249
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60.949.737.236	46.090.024.000
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	3.169.147.595	5.331.936.057
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	(389.026.591)	(593.336.178)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		58.169.616.232	41.351.424.121
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		48.605.097.567	41.351.424.121
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		9.564.518.665	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	8.114	6.736
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	34	8.114	6.736

3.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		60.949.737.236	46.090.024.000
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		23.612.840.087	7.315.788.024
- Các khoản dự phòng	03		(2.349.802.824)	(7.942.848.454)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		15.271.931	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(22.215.801.543)	(13.696.166.793)
- Chi phí lãi vay	06	30	32.175.684.923	3.762.197.563
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		92.187.929.810	35.528.994.340
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		48.704.145.186	(36.964.985.431)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.824.441.813)	2.311.367.296
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(12.451.444.844)	(44.053.312.398)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(12.058.612.520)	1.006.921.827
- Tiền lãi vay đã trả	14	21, 30	(31.335.624.188)	(4.305.704.223)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	19	(3.995.910.839)	(1.507.247.271)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(698.102.998)	(1.447.235.015)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		67.527.937.794	(49.431.200.875)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				

1.	Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(33.673.872.918)	(211.164.896.081)
2.	Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		1.835.345.455	5.688.192.183
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16.400.000.000)	(994.167.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(26.800.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.100.000.000	25.997.528.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	29	<u>17.618.516.903</u>	<u>9.527.782.880</u>
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<u>(24.520.010.560)</u>	<u>(197.745.560.018)</u>
	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	11.866.400.000
2.	Tiền thu từ đi vay	33		114.707.601.955	268.026.544.374
3.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(163.394.602.000)	(88.949.994.261)
4.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	22a, 25d	<u>(4.992.000.000)</u>	<u>(10.014.824.750)</u>
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<u>(53.679.000.045)</u>	<u>180.928.125.363</u>
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		<u>(10.671.072.811)</u>	<u>(66.248.635.530)</u>
	Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	5	84.725.958.486	150.974.594.016
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		<u>(15.271.931)</u>	-
	Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	5	<u>74.039.613.744</u>	<u>84.725.958.486</u>

Thuyết minh báo cáo tài chính Công ty mẹ và hợp nhất xem tại báo cáo kiểm toán đã công bố

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



ĐẶNG QUANG ĐẠT